

HỘ KINH DOANH LÊU THANH TÙNG
CV: 01/2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do- Hạnh Phúc

CHI CỤC CHẤT LƯỢNG
CHẾ BIẾN VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG

Số: 59
ĐẾN Ngày: 22/2026
Chuyên: V/v: BỔ SUNG THÀNH PHẦN DINH DƯỠNG TRÊN NHÃN SẢN PHẨM
Số và ký hiệu HS:

CET
- DTC Hoa / T. mui
- DTC Anh / theo NĐ 46
Hưng Yên, Ngày 30 Tháng 1 năm 2026
CÔNG VĂN mui nước / 1/1

Kính gửi: Chi cục Chất lượng, chế biến và Phát triển thị trường tỉnh Hưng Yên

Tên đơn vị: **HỘ KINH DOANH LÊU THANH TÙNG**

Địa chỉ: Nhà ông Lê Đức Nam, Tổ dân phố Đồng Thanh, Phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên

Nội dung: Hiện tại Bộ Y Tế đã ban hành thông tư số 29/2023/TT-BYT Có hiệu lực thi hành từ ngày 15/2/2024; thông tư hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn sản phẩm nên tôi thông báo bổ sung thêm thông tin chi tiết tự công bố để phù hợp với yêu cầu hiện hành, đồng thời bổ sung thành phần dinh dưỡng trên nhãn sản phẩm cho các sản phẩm sau:

stt	Tên sản phẩm	Số tự công bố	Ngày công bố	Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100g sản phẩm
1	Xúc xích lóc xoáy	01/HKD LTT/2023	07/09/2023	Năng lượng: 230 Kcal; Protein: 9,13 g; Đường tổng: 4,43 g; Carbohydrate: 127,8 g; Béo tổng: 9,16 g; Natri: 455 mg.
2	Đùi gà chiên giòn	01/HKD LTT/2024	18/01/2024	Năng lượng: 245 Kcal; Protein: 15,2 g; Đường tổng: 3,54 g; Carbohydrate: 17,1 g; Béo tổng: 12,9 g; Natri: 179 mg; béo bão hòa: 4,27 g.
3	Cánh gà chiên giòn	02/HKD LTT/2024	18/01/2024	Năng lượng: 279 Kcal; Protein: 12,5 g; Đường tổng: 3,97 g; Carbohydrate: 22,0 g; Béo tổng: 15,7 g; Natri: 189 mg; béo bão hòa: 4,58 g.
4	Gà popcorn chiên giòn	03/HKD LTT/2024	18/01/2024	Năng lượng: 299 Kcal; Protein: 12,7g; Đường tổng: 3,83 g; Carbohydrate: 32,1 g; Béo tổng:

				13,3 g; Natri: 173 mg; béo bão hòa: 4,02 g.
5	Hotdog xúc xích tẩm bột	04/HKD LTT/2024	18/01/2024	Năng lượng: 234 Kcal; Protein: 8,56 g; Đường tổng: 4,58 g; Carbohydrate: 36,1 g; Béo tổng: 6,13 g; Natri: 296 mg.
6	Bánh gà	05/HKD LTT/2024	18/01/2024	Năng lượng: 172 Kcal; Protein: 12,2 g; Đường tổng: 6,31 g; Carbohydrate: 12,7 g; Béo tổng: 8,06 g; Natri: 209 mg.
7	Bánh gà phomai	06/HKD LTT/2024	18/01/2024	Năng lượng: 185 Kcal; Protein: 11,3 g; Đường tổng: 7,83 g; Carbohydrate: 16,3 g; Béo tổng: 8,33 g; Natri: 310 mg.
8	Kimbap chiên	07/HKD LTT/2024	18/01/2024	Năng lượng: 158 Kcal; Protein: 4,79 g; Carbohydrate: 29,8 g; Béo tổng: 2,15 g; Natri: 178 mg.

Một lần nữa, **HỘ KINH DOANH LÊU THANH TÙNG** gửi lời cảm ơn tới quý cơ quan đã luôn tạo điều kiện, giúp đỡ chúng tôi trong quá trình hoạt động kinh doanh.

Kính đề nghị.

Trân trọng cảm ơn!

Đại Diện Hộ Kinh Doanh

Phạm
Lê Thanh Tùng

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

Đính kèm bản tự công bố số: 03/HKD LTT/2024

HỘ KINH DOANH LÊ THANH TÙNG	GÀ POPCORN CHIÊN GIÒN	Số TCCS: 03:2024/HKD LTT
		Có hiệu lực từ ngày hoàn tất thủ tục tự công bố sản phẩm

1.SẢN PHẨM: GÀ POPCORN CHIÊN GIÒN

2.THÀNH PHẦN:

Thịt gà 90%, bột chiên giòn, bột mỳ, đường muối, hạt tiêu, tỏi ...

3.YÊU CẦU VỀ CHẤT LƯỢNG

3.1.Các chỉ tiêu cảm quan:

TT	Tên chỉ tiêu	Mô tả yêu cầu
1	Trạng thái	Vỏ ngoài giòn rụm
2	Màu sắc	Màu vàng
3	Mùi	Mùi thơm đặc trưng của sản phẩm, không có mùi lạ
4	Vị	Vị đặc trưng của sản phẩm, không có vị lạ

3.2.Giới hạn kim loại nặng trong sản phẩm:

Giới hạn chỉ tiêu kim loại nặng đạt theo QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Cadimi	Mg/kg	0,05
2	Chì	Mg/kg	0,1

3.Giới hạn vi sinh vật trong sản phẩm:

Giới hạn chỉ tiêu vi sinh vật đạt theo QCVN 8-3: 2012/BYT quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	5×10^5
2	Salmonella spp	CFU/g	KPH
3	E.Coli	CFU/g	5×10^2

4. Giá trị dinh dưỡng

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100g sản phẩm đạt theo mức công bố sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Năng lượng	kcal/100g	210 - 388
2	Protein	g/100g	8.9 - 16.5
3	Carbohydrat	g/100g	22.5 - 41.7
4	Chất béo	g/100g	9.4 - 17.2
5	Đường tổng	g/100g	2.7 - 4.9
6	Béo bão hòa	g/100g	2.9 - 5.2
7	Natri (Na)	mg/100g	126 - 232

4. QUY CÁCH ĐÓNG GÓI VÀ CHẤT LIỆU BAO BÌ:

4.1. Quy cách đóng gói:

Khối lượng tịnh: 0,5 kg/túi ± 50g; hoặc khối lượng khác theo yêu cầu của thị trường.

4.2. Chất liệu bao bì:

- Chất liệu bao bì: sản phẩm được đựng trong túi PA; Bao bì đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

4.3. THỜI HẠN SỬ DỤNG:

- 6 Tháng kể từ ngày sản xuất, ngày sản xuất và hạn sử dụng xem trên bao bì

5. HƯỚNG DẪN BẢO QUẢN:

- Bảo quản ở nhiệt độ -18⁰C hoặc ngăn đá tủ lạnh.

Thái Bình, ngày 18 tháng 01 năm 2024

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên)



LÊU THANH TÙNG

Số/ No.: VLAB0-251229-020/3

Ngày phát hành/ Issue date : 13/01/2026
Trang/ Page : 1/2

Tên khách hàng⁽¹⁾/ Company: **HỘ KINH DOANH LỀU THANH TÙNG**
Địa chỉ⁽¹⁾/ Address: **Nhà ông Lê Đức Nam, Tổ dân phố Đồng Thanh, Phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên**
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: **29/12/2025**
Ngày thực hiện/ Date(s) of testing: **29/12/2025 đến 13/01/2026**
Tên mẫu⁽¹⁾/ Sample Name: **GÀ POPCORN CHIÊN GIÒN**
Tình trạng mẫu/ State of sample: **Mẫu chứa trong bao bì kín/ Samples in sealed packaging.**

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULTS
[Xem trang kế/See next page (s)]

Ghi chú/ Notes:

- (1) Thông tin do khách hàng cung cấp/ Information provided by client.
- (a) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Item(s) are accredited to ISO/IEC 17025:2017.
- (b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Bảo vệ thực vật/ Appointed item(s) by Department of Plant Protection.
- (c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục chăn nuôi/ Appointed item(s) by Department of Livestock Production.
- (d) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn/ Appointed item(s) by Ministry of Agriculture & Rural Development.
- (e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ Appointed item(s) by Ministry of Industry & Trade.
- (s) Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ Items are tested by the subcontractor.
- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận được tại phòng thí nghiệm/ Test result(s) are valid only on submitted sample(s).
 - LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of quantification.
 - KPH/ ND: Không phát hiện/Not detected.
 - Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.
 - Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần báo cáo này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ Test Report is a unified whole, no part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.
 - Các chỉ tiêu được thực hiện bởi PTN VietLabs Hồ Chí Minh/ Items are performed by VietLabs Ho Chi Minh Lab.

PHỤ TRÁCH PHÒNG THÍ NGHIỆM
Officer in charge of Laboratory



Nguyễn Ngọc Hân

TỔNG GIÁM ĐỐC
General Director



Nguyễn Quốc Toàn

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/10/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:

Ho Chi Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCM City
Can Tho: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City
Bac Lieu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Ca Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province



BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT



Số/ No.: VLAB0-251229-020/3

Ngày phát hành/ Issue date : 13/01/2026
Trang/ Page : 2/2

Kết quả/ result

STT No.	Chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	LOQ	Phương pháp phân tích Test method
1.	Năng lượng/Calories	299	Kcal/100g	-	FAO, Food and Nutrition P.77, 2003
2.	Hàm lượng Đường tổng/Total sugar content	3,83	g/100g	-	TCVN 4594:1988(a)
3.	Hàm lượng Carbohydrate (không bao gồm xơ)/Carbohydrate (not include dietary fiber) content	32,1	g/100g	-	FAO, Food and Nutrition P.77, 2003
4.	Hàm lượng Béo tổng/Total fat content	13,3	g/100g	-	TCVN 8136: 2009(a)
5.	Hàm lượng Natri (Na)/Sodium (Na) content	173	mg/100g	-	VLAB-CH-TP-204 (Ref. AOAC 969.23)(a)
6.	Hàm lượng protein/Protein content	12,7	g/100g	-	TCVN 8134: 2009(a)
7.	Béo bão hòa/Saturated fat	4,02	g/100g	-	VLAB-CH-TP-628(a)

Ghi chú/ Remark(s): Không/ Nil

[Kết thúc báo cáo/ End of report]

VietLabs
Your Trusted Partner

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/10/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs

VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh

60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:

Hồ Chí Minh:

Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCM City

Can Tho:

Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City

Bạc Liêu:

Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau:

Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

Đính kèm bản tự công bố số: 04/HKD LTT/2024

HỘ KINH DOANH LÊ THANH TÙNG	HOTDOC XÚC XÍCH TẨM BỘT	Số TCCS: 04:2024/HKD LTT
		Có hiệu lực từ ngày hoàn tất thủ tục tự công bố sản phẩm

1.SẢN PHẨM: HOTDOC XÚC XÍCH TẨM BỘT

2.THÀNH PHẦN:

Xúc xích 80%, phô mai 15%, bột mỳ, bột chiên giòn, bột xù...

3.YÊU CẦU VỀ CHẤT LƯỢNG

3.1.Các chỉ tiêu cảm quan:

TT	Tên chỉ tiêu	Mô tả yêu cầu
1	Trạng thái	Vỏ ngoài giòn rụm
2	Màu sắc	Màu vàng
3	Mùi	Mùi thơm đặc trưng của sản phẩm, không có mùi lạ
4	Vị	Vị đặc trưng của sản phẩm, không có vị lạ

3.2.Giới hạn kim loại nặng trong sản phẩm:

Giới hạn chỉ tiêu kim loại nặng đạt theo QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Cadimi	Mg/kg	0,05
2	Chì	Mg/kg	0,1

3.Giới hạn vi sinh vật trong sản phẩm:

Giới hạn chỉ tiêu vi sinh vật đạt theo QCVN 8-3: 2012/BYT quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	5×10^5
2	Salmonella spp	CFU/g	KPH
3	E.Coli	CFU/g	5×10^2

4. Giá trị dinh dưỡng

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100g sản phẩm đạt theo mức công bố sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Năng lượng	kcal/100g	164 - 304
2	Protein	g/100g	6.0 -11.1
3	Carbohydrat	g/100g	25.3 - 46.9
4	Béo tổng	g/100g	4.3 - 7.9
5	Đường tổng	g/100g	3.2 - 5.9
6	Natri (Na)	mg/100g	208- 384

4. QUY CÁCH ĐÓNG GÓI VÀ CHẤT LIỆU BAO BÌ:

4.1. Quy cách đóng gói:

Khối lượng tịnh: 0,5 kg/hộp $\pm$ 50g; hoặc khối lượng khác theo yêu cầu của thị trường.

4.2. Chất liệu bao bì:

- Chất liệu bao bì: sản phẩm được đựng trong hộp nhựa PP; Bao bì đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

4.3. THỜI HẠN SỬ DỤNG:

- 6 Tháng kể từ ngày sản xuất, ngày sản xuất và hạn sử dụng xem trên bao bì

5. HƯỚNG DẪN BẢO QUẢN:

- Bảo quản ở nhiệt độ -18°C hoặc ngăn đá tủ lạnh.

Thái Bình, ngày 18 tháng 01 năm 2024

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên)



LỀU THANH TÙNG

Số/ No.: VLAB0-251229-020/5

Ngày phát hành/ Issue date : 13/01/2026
Trang/ Page : 1/2

Tên khách hàng⁽¹⁾/ Company: **HỘ KINH DOANH LÊ THANH TÙNG**
Địa chỉ⁽¹⁾/ Address: **Nhà ông Lê Đức Nam, Tổ dân phố Đồng Thanh, Phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên**
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: **29/12/2025**
Ngày thực hiện/ Date(s) of testing: **29/12/2025 đến 13/01/2026**
Tên mẫu⁽¹⁾/ Sample Name: **HOTDOG XÚC XÍCH TÂM BỘT**
Tình trạng mẫu/ State of sample: **Mẫu chứa trong bao bì kín/ Samples in sealed packaging.**

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULTS
[Xem trang kế/See next page (s)]

Ghi chú/ Notes:

- (1) Thông tin do khách hàng cung cấp/ Information provided by client.
- (a) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Item(s) are accredited to ISO/IEC 17025:2017.
- (b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Bảo vệ thực vật/ Appointed item(s) by Department of Plant Protection.
- (c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục chăn nuôi/ Appointed item(s) by Department of Livestock Production.
- (d) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn/ Appointed item(s) by Ministry of Agriculture & Rural Development.
- (e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ Appointed item(s) by Ministry of Industry & Trade.
- (s) Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ Items are tested by the subcontractor.
- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận được tại phòng thí nghiệm/ Test result(s) are valid only on submitted sample(s).
 - LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of quantification.
 - KPH/ ND: Không phát hiện/Not detected.
 - Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.
 - Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần báo cáo này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ Test Report is a unified whole, no part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.
 - Các chỉ tiêu được thực hiện bởi PTN VietLabs Hồ Chí Minh/ Items are performed by VietLabs Ho Chi Minh Lab.

PHỤ TRÁCH PHÒNG THÍ NGHIỆM
Officer in charge of Laboratory



Nguyễn Ngọc Hân

TỔNG GIÁM ĐỐC
General Director




Nguyễn Quốc Toàn

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/10/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Trường Ward, Ho Chi Minh City
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:

Ho Chi Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Trường Ward, HCM City

Can Tho: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Bình Ward, Can Tho City

Bac Lieu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: LAB0-251229-020/5

Ngày phát hành/ Issue date : 13/01/2026

Trang/ Page : 2/2

Kết quả/ result

STT No.	Chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	LOQ	Phương pháp phân tích Test method
1.	Năng lượng/Calories	234	Kcal/100g	-	FAO, Food and Nutrition P.77, 2003
2.	Hàm lượng Đường tổng/Total sugar content	4,58	g/100g	-	TCVN 4594:1988(a)
3.	Hàm lượng Carbohydrate (không bao gồm xơ)/Carbohydrate (not include dietary fiber) content	36,1	g/100g	-	FAO, Food and Nutrition P.77, 2003
4.	Hàm lượng Béo tổng/Total fat content	6,13	g/100g	-	TCVN 8136: 2009(a)
5.	Hàm lượng Natri (Na)/Sodium (Na) content	296	mg/100g	-	VLAB-CH-TP-204 (Ref. AOAC 969.23)(a)
6.	Hàm lượng protein/Protein content	8,56	g/100g	-	TCVN 8134: 2009(a)

Ghi chú/ Remark(s): Không/ Nil

[Kết thúc báo cáo/ End of report]

VietLabs
Your Trusted Partner

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/10/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:

Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCM City
Can Tho: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City
Bạc Liêu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Cà Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

Đính kèm bản tự công bố số: 01/HKD LTT/2023

HỘ KINH DOANH LÊU THANH TÙNG	XÚC XÍCH LỘC XOÁY	Số TCCS: 01:2023/HKD LTT
		Có hiệu lực từ ngày hoàn tất thủ tục tự công bố sản phẩm

1.SẢN PHẨM: XÚC XÍCH LỘC XOÁY

2.THÀNH PHẦN:

Xúc xích 90%, Bột mỳ, bột xù, bột chiên giòn, nước cốt dừa ...

3.YÊU CẦU VỀ CHẤT LƯỢNG

3.1.Các chỉ tiêu cảm quan:

TT	Tên chỉ tiêu	Mô tả yêu cầu
1	Trạng thái	Tạo hình xoắn ốc độc đáo, vỏ mỏng chiên xù giòn rụm
2	Màu sắc	Màu vàng nhạt
3	Mùi	Mùi thơm đặc trưng của sản phẩm, không có mùi lạ
4	Vị	Vị đặc trưng của sản phẩm, không có vị lạ

3.2.Giới hạn kim loại nặng trong sản phẩm:

Giới hạn chỉ tiêu kim loại nặng đạt theo QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Cadimi	Mg/kg	0,1
2	Chì	Mg/kg	0,1

3.Giới hạn vi sinh vật trong sản phẩm:

Giới hạn chỉ tiêu vi sinh vật đạt theo QCVN 8-3: 2012/BYT quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	1×10^4
2	Salmonella spp	CFU/g	KPH
3	E.Coli	CFU/g	5×10^2

4. Giá trị dinh dưỡng

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100g sản phẩm đạt theo mức công bố sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Năng lượng	kcal/100g	161- 299
2	Protein	g/100g	6.4 - 11.8
3	Carbohydrat	g/100g	19.5 - 36.1
4	Chất béo	g/100g	6.5 - 11.9
5	Đường tổng	g/100g	3.1 -- 5.76
6	Natri (Na)	mg/100g	319 - 591

4. QUY CÁCH ĐÓNG GÓI VÀ CHẤT LIỆU BAO BÌ:

4.1. Quy cách đóng gói:

Khối lượng tịnh: 500g (10 chiếc/túi) ± 20 g

- Quy cách đóng gói khác theo yêu cầu của khách hàng.

4.2. Chất liệu bao bì:

- Chất liệu bao bì: sản phẩm được đựng trong túi nylon, Bao bì đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

4.3. THỜI HẠN SỬ DỤNG:

- 6 Tháng kể từ ngày sản xuất, ngày sản xuất và hạn sử dụng xem trên bao bì

5. HƯỚNG DẪN BẢO QUẢN:

- Bảo quản ở nhiệt độ -18°C hoặc ngăn đá tủ lạnh.

Hà Nội, ngày 07 tháng 09 năm 2023

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên)



LÊU THANH TÙNG

Số/ No.: VLAB0-251229-020/6

Ngày phát hành/ Issue date : 13/01/2026
Trang/ Page : 1/2

Tên khách hàng⁽¹⁾/ Company: **HỘ KINH DOANH LÊU THANH TÙNG**
Địa chỉ⁽¹⁾/ Address: **Nhà ông Lê Đức Nam, Tổ dân phố Đồng Thanh, Phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên**
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: **29/12/2025**
Ngày thực hiện/ Date(s) of testing: **29/12/2025 đến 13/01/2026**
Tên mẫu⁽¹⁾/ Sample Name: **XÚC XÍCH LỐC XOÁY**
Tình trạng mẫu/ State of sample: **Mẫu chứa trong bao bì kín/ Samples in sealed packaging.**

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULTS
[Xem trang kế/See next page (s)]

Ghi chú/ Notes:

- (1) Thông tin do khách hàng cung cấp/ Information provided by client.
- (a) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Item(s) are accredited to ISO/IEC 17025:2017.
- (b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Bảo vệ thực vật/ Appointed item(s) by Department of Plant Protection.
- (c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục chăn nuôi/ Appointed item(s) by Department of Livestock Production.
- (d) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn/ Appointed item(s) by Ministry of Agriculture & Rural Development.
- (e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ Appointed item(s) by Ministry of Industry & Trade.
- (s) Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ Items are tested by the subcontractor.
- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận được tại phòng thí nghiệm/ Test result(s) are valid only on submitted sample(s).
 - LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of quantification.
 - KPH/ ND: Không phát hiện/Not detected.
 - Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.
 - Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần báo cáo này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ Test Report is a unified whole, no part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.
 - Các chỉ tiêu được thực hiện bởi PTN VietLabs Hồ Chí Minh/ Items are performed by VietLabs Ho Chi Minh Lab.

PHỤ TRÁCH PHÒNG THÍ NGHIỆM
Officer in charge of Laboratory



Nguyễn Ngọc Hân

TỔNG GIÁM ĐỐC
General Director



Nguyễn Quốc Toàn

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/10/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Trường Ward, Ho Chi Minh City
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:

Ho Chi Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Trường Ward, HCM City
Can Tho: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Bình Ward, Can Tho City
Bac Lieu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Ca Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-251229-020/6

Ngày phát hành/ Issue date : 13/01/2026
Trang/ Page : 2/2

Kết quả/ result

STT No.	Chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	LOQ	Phương pháp phân tích Test method
1.	Năng lượng/Calories	230	Kcal/100g	-	FAO, Food and Nutrition P.77, 2003
2.	Hàm lượng Đường tổng/Total sugar content	4,43	g/100g	-	TCVN 4594:1988(a)
3.	Hàm lượng Carbohydrate (không bao gồm xơ)/Carbohydrate (not include dietary fiber) content	27,8	g/100g	-	FAO, Food and Nutrition P.77, 2003
4.	Hàm lượng Béo tổng/Total fat content	9,16	g/100g	-	TCVN 8136: 2009(a)
5.	Hàm lượng Natri (Na)/Sodium (Na) content	455	mg/100g	-	VLAB-CH-TP-204 (Ref. AOAC 969.23)(a)
6.	Hàm lượng protein/Protein content	9,13	g/100g	-	TCVN 8134: 2009(a)

Ghi chú/ Remark(s): Không/ Nil

[Kết thúc báo cáo/ End of report]

VietLabs
Your Trusted Partner

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/10/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:

Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCM City
Can Tho: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City
Bạc Liêu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Cà Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

Đính kèm bản tự công bố số: 07/HKD LTT/2024

HỘ KINH DOANH LÊU THANH TÙNG	KIMBAP CHIÊN	Số TCCS: 07:2024/HKD LTT
		Có hiệu lực từ ngày hoàn tất thủ tục tự công bố sản phẩm

1.SẢN PHẨM: KIMBAP CHIÊN

2.THÀNH PHẦN:

Cơm gạo tẻ 90%, lá dong biển, cà rốt, xúc xích, dưa chuột, bột chiên giòn, bột xù...

3.YÊU CẦU VỀ CHẤT LƯỢNG

3.1.Các chỉ tiêu cảm quan:

TT	Tên chỉ tiêu	Mô tả yêu cầu
1	Trạng thái	Mềm dẻo khi giã đông
2	Màu sắc	Màu vàng
3	Mùi	Mùi thơm đặc trưng của sản phẩm, không có mùi lạ
4	Vị	Vị đặc trưng của sản phẩm, không có vị lạ

3.2.Giới hạn kim loại nặng trong sản phẩm:

Giới hạn chỉ tiêu kim loại nặng đạt theo QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Cadimi	Mg/kg	0,05
2	Chì	Mg/kg	0,1

3.Giới hạn vi sinh vật trong sản phẩm:

Giới hạn chỉ tiêu vi sinh vật đạt theo QCVN 8-3: 2012/BYT quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	5×10^5
2	Salmonella spp	CFU/g	KPH
3	E.Coli	CFU/g	5×10^2

4. Giá trị dinh dưỡng

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100g sản phẩm đạt theo mức công bố sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Năng lượng	kcal/100g	112 - 205
2	Protein	g/100g	3.4 – 6.2
3	Carbohydrat	g/100g	20.9 – 38.7
4	Béo tổng	g/100g	1.5 – 2.7
5	Natri (Na)	mg/100g	125 - 231

4. QUY CÁCH ĐÓNG GÓI VÀ CHẤT LIỆU BAO BÌ:

4.1. Quy cách đóng gói:

Khối lượng tịnh: 0,8 kg/hộp ± 100g; 1.5 kg/hộp ± 100g hoặc khối lượng khác theo yêu cầu của thị trường.

4.2. Chất liệu bao bì:

- Chất liệu bao bì: sản phẩm được đựng trong hộp nhựa PP; Bao bì đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

4.3. THỜI HẠN SỬ DỤNG:

- 6 Tháng kể từ ngày sản xuất, ngày sản xuất và hạn sử dụng xem trên bao bì

5. HƯỚNG DẪN BẢO QUẢN:

- Bảo quản ở nhiệt độ -18⁰C hoặc ngăn đá tủ lạnh.

Thái Bình, ngày 18 tháng 01 năm 2024

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên)



LÈU THANH TÙNG

Số/ No.: VLAB0-251229-020/4

Ngày phát hành/ Issue date : 13/01/2026
Trang/ Page : 1/2

Tên khách hàng⁽¹⁾/ Company: **HỘ KINH DOANH LÊ THANH TÙNG**
Địa chỉ⁽¹⁾/ Address: **Nhà ông Lê Đức Nam, Tổ dân phố Đồng Thanh, Phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên**
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: **29/12/2025**
Ngày thực hiện/ Date(s) of testing: **29/12/2025 đến 13/01/2026**
Tên mẫu⁽¹⁾/ Sample Name: **KIMBAP CHIẾN**
Tình trạng mẫu/ State of sample: **Mẫu chứa trong bao bì kín/ Samples in sealed packaging.**

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULTS
[Xem trang kế/ See next page (s)]

Ghi chú/ Notes:

- (1) Thông tin do khách hàng cung cấp/ Information provided by client.
- (a) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Item(s) are accredited to ISO/IEC 17025:2017.
- (b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Bảo vệ thực vật/ Appointed item(s) by Department of Plant Protection.
- (c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục chăn nuôi/ Appointed item(s) by Department of Livestock Production.
- (d) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn/ Appointed item(s) by Ministry of Agriculture & Rural Development.
- (e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ Appointed item(s) by Ministry of Industry & Trade.
- (s) Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ Items are tested by the subcontractor.
- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận được tại phòng thí nghiệm/ Test result(s) are valid only on submitted sample(s).
 - LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of quantification.
 - KPH/ ND: Không phát hiện/ Not detected.
 - Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.
 - Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần báo cáo này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ Test Report is a unified whole, no part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.
 - Các chỉ tiêu được thực hiện bởi PTN VietLabs Hồ Chí Minh/ Items are performed by VietLabs Ho Chi Minh Lab.

PHỤ TRÁCH PHÒNG THÍ NGHIỆM
Officer in charge of Laboratory



Nguyễn Ngọc Hân

TỔNG GIÁM ĐỐC
General Director



Nguyễn Quốc Toàn

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/10/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Trường Ward, Ho Chi Minh City
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/ Testing Center:

Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Trường Ward, HCM City
Can Tho: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Bình Ward, Can Tho City
Bạc Liêu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Cà Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-251229-020/4

Ngày phát hành/ Issue date : 13/01/2026
Trang/ Page : 2/2

Kết quả/ result

STT No.	Chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	LOQ	Phương pháp phân tích Test method
1.	Năng lượng/Calories	158	Kcal/100g	-	FAO, Food and Nutrition P.77, 2003
2.	Hàm lượng Carbohydrate (không bao gồm xơ)/Carbohydrate (not include dietary fiber) content	29,8	g/100g	-	FAO, Food and Nutrition P.77, 2003
3.	Hàm lượng Béo tổng/Total fat content	2,15	g/100g	-	VLAB-CH-TP-106(a)
4.	Hàm lượng Natri (Na)/Sodium (Na) content	178	mg/100g	-	VLAB-CH-TP-204 (Ref. AOAC 969.23)(a)
5.	Hàm lượng protein/Protein content	4,79	g/100g	-	TCVN 10034:2013(a)

Ghi chú/ Remark(s): Không/ Nil

[Kết thúc báo cáo/ End of report]

VietLabs
Your Trusted Partner

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/10/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:
Ho Chi Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCM City
Can Tho: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City
Bac Lieu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Ca Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

Đính kèm bản tự công bố số: 06/HKD LTT/2024

HỘ KINH DOANH LÊ THANH TÙNG	BÁNH GÀ PHOMAI	Số TCCS: 06:2024/HKD LTT
		Có hiệu lực từ ngày hoàn tất thủ tục tự công bố sản phẩm

1.SẢN PHẨM: BÁNH GÀ PHOMAI

2.THÀNH PHẦN:

Thịt gà 80%, phomai 10%, cà rốt, hành tây, hạt nêm, đường, bột chiên giòn, bột xù...

3.YÊU CẦU VỀ CHẤT LƯỢNG

3.1.Các chỉ tiêu cảm quan:

TT	Tên chỉ tiêu	Mô tả yêu cầu
1	Trạng thái	Mềm dẻo khi giã đông
2	Màu sắc	Màu vàng
3	Mùi	Mùi thơm đặc trưng của sản phẩm, không có mùi lạ
4	Vị	Vị đặc trưng của sản phẩm, không có vị lạ

3.2.Giới hạn kim loại nặng trong sản phẩm:

Giới hạn chỉ tiêu kim loại nặng đạt theo QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Cadimi	Mg/kg	0,05
2	Chì	Mg/kg	0,1

3.Giới hạn vi sinh vật trong sản phẩm:

Giới hạn chỉ tiêu vi sinh vật đạt theo QCVN 8-3: 2012/BYT quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	5×10^5
2	Salmonella spp	CFU/g	KPH
3	E.Coli	CFU/g	5×10^2

4. Giá trị dinh dưỡng

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100g sản phẩm đạt theo mức công bố sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Năng lượng	kcal/100g	130 - 240
2	Protein	g/100g	8.0 - 14.6
3	Carbohydrat	g/100g	11.5 - 21.1
4	Béo tổng	g/100g	5.9- 10.8
5	Đường tổng	g/100g	5.5 - 10.1
6	Natri (Na)	mg/100g	217 403

4. QUY CÁCH ĐÓNG GÓI VÀ CHẤT LIỆU BAO BÌ:

4.1. Quy cách đóng gói:

Khối lượng tịnh: 0,5 kg/hộp $\pm$ 50g; hoặc khối lượng khác theo yêu cầu của thị trường.

4.2. Chất liệu bao bì:

- Chất liệu bao bì: sản phẩm được đựng trong hộp nhựa PP; Bao bì đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

4.3. THỜI HẠN SỬ DỤNG:

- 6 Tháng kể từ ngày sản xuất, ngày sản xuất và hạn sử dụng xem trên bao bì

5. HƯỚNG DẪN BẢO QUẢN:

- Bảo quản ở nhiệt độ -18°C hoặc ngăn đá tủ lạnh.

Thái Bình, ngày 18 tháng 01 năm 2024

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên)



LÊU THANH TÙNG

Số/ No.: VLAB0-251229-020/8

Ngày phát hành/ Issue date : 13/01/2026
Trang/ Page : 1/2

Tên khách hàng⁽¹⁾/ Company: **HỘ KINH DOANH LÊU THANH TÙNG**
Địa chỉ⁽¹⁾/ Address: **Nhà ông Lê Đức Nam, Tổ dân phố Đồng Thanh, Phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên**
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: **29/12/2025**
Ngày thực hiện/ Date(s) of testing: **29/12/2025 đến 13/01/2026**
Tên mẫu⁽¹⁾/ Sample Name: **BÁNH GÀ PHOMAI**
Tình trạng mẫu/ State of sample: **Mẫu chứa trong bao bì kín/ Samples in sealed packaging.**

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULTS
[Xem trang kế/See next page (s)]

Ghi chú/ Notes:

- (1) Thông tin do khách hàng cung cấp/ Information provided by client.
- (a) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Item(s) are accredited to ISO/IEC 17025:2017.
- (b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Bảo vệ thực vật/ Appointed item(s) by Department of Plant Protection.
- (c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục chăn nuôi/ Appointed item(s) by Department of Livestock Production.
- (d) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn/ Appointed item(s) by Ministry of Agriculture & Rural Development.
- (e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ Appointed item(s) by Ministry of Industry & Trade.
- (s) Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ Items are tested by the subcontractor.
- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận được tại phòng thí nghiệm/ Test result(s) are valid only on submitted sample(s).
 - LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of quantification.
 - KPH/ ND: Không phát hiện/Not detected.
 - Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.
 - Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần báo cáo này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ Test Report is a unified whole, no part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.
 - Các chỉ tiêu được thực hiện bởi PTN VietLabs Hồ Chí Minh/ Items are performed by VietLabs Ho Chi Minh Lab.

PHỤ TRÁCH PHÒNG THÍ NGHIỆM
Officer in charge of Laboratory



Nguyễn Ngọc Hân

TỔNG GIÁM ĐỐC
General Director



Nguyễn Quốc Toàn

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/10/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:

Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCM City
Can Tho: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City
Bạc Liêu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Ca Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-251229-020/8

Ngày phát hành/ Issue date : 13/01/2026
Trang/ Page : 2/2

Kết quả/ result

STT No.	Chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	LOQ	Phương pháp phân tích Test method
1.	Năng lượng/Calories	185	Kcal/100g	-	FAO, Food and Nutrition P.77, 2003
2.	Hàm lượng Đường tổng/Total sugar content	7,83	g/100g	-	TCVN 4594:1988(a)
3.	Hàm lượng Carbohydrate (không bao gồm xơ)/Carbohydrate (not include dietary fiber) content	16,3	g/100g	-	FAO, Food and Nutrition P.77, 2003
4.	Hàm lượng Béo tổng/Total fat content	8,33	g/100g	-	TCVN 8136: 2009(a)
5.	Hàm lượng Natri (Na)/Sodium (Na) content	310	mg/100g	-	VLAB-CH-TP-204 (Ref. AOAC 969.23)(a)
6.	Hàm lượng protein/Protein content	11,3	g/100g	-	TCVN 8134: 2009(a)

Ghi chú/ Remark(s): Không/ Nil

[Kết thúc báo cáo/ End of report]

VietLabs
Your Trusted Partner

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/10/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:
Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCM City
Can Tho: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City
Bạc Liêu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Cà Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

Đính kèm bản tự công bố số: 05/HKD LTT/2024

HỘ KINH DOANH LÊ THANH TÙNG	BÁNH GÀ	Số TCCS: 05:2024/HKD LTT
		Có hiệu lực từ ngày hoàn tất thủ tục tự công bố sản phẩm

1.SẢN PHẨM: BÁNH GÀ

2.THÀNH PHẦN:

Thịt gà 90%, cà rốt, hành tây, hạt nêm, đường, bột chiên giòn, bột xù...

3.YÊU CẦU VỀ CHẤT LƯỢNG

3.1.Các chỉ tiêu cảm quan:

TT	Tên chỉ tiêu	Mô tả yêu cầu
1	Trạng thái	Mềm dẻo khi giã đông
2	Màu sắc	Màu vàng
3	Mùi	Mùi thơm đặc trưng của sản phẩm, không có mùi lạ
4	Vị	Vị đặc trưng của sản phẩm, không có vị lạ

3.2.Giới hạn kim loại nặng trong sản phẩm:

Giới hạn chỉ tiêu kim loại nặng đạt theo QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Cadimi	Mg/kg	0,05
2	Chì	Mg/kg	0,1

3.Giới hạn vi sinh vật trong sản phẩm:

Giới hạn chỉ tiêu vi sinh vật đạt theo QCVN 8-3: 2012/BYT quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	5×10^5
2	Salmonella spp	CFU/g	KPH
3	E.Coli	CFU/g	5×10^2

4. Giá trị dinh dưỡng

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100g sản phẩm đạt theo mức công bố sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Năng lượng	kcal/100g	121 - 223
2	Protein	g/100g	8.6 - 15.8
3	Carbohydrat	g/100g	8.9 - 16.5
4	Béo tổng	g/100g	5.7 - 10.4
5	Đường tổng	g/100g	4.5 - 8.2
6	Béo bão hòa	g/100g	1.9 - 3.5
7	Natri (Na)	mg/100g	147 - 271

4. QUY CÁCH ĐÓNG GÓI VÀ CHẤT LIỆU BAO BÌ:

4.1. Quy cách đóng gói:

Khối lượng tịnh: 0,5 kg/hộp $\pm$ 50g; hoặc khối lượng khác theo yêu cầu của thị trường.

4.2. Chất liệu bao bì:

- Chất liệu bao bì: sản phẩm được đựng trong hộp nhựa PP; Bao bì đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

4.3. THỜI HẠN SỬ DỤNG:

- 6 Tháng kể từ ngày sản xuất, ngày sản xuất và hạn sử dụng xem trên bao bì

5. HƯỚNG DẪN BẢO QUẢN:

- Bảo quản ở nhiệt độ -18°C hoặc ngăn đá tủ lạnh.

Thái Bình, ngày 18 tháng 01 năm 2024

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên)



LỀU THANH TÙNG

Số/ No.: VLAB0-251229-020/7

Ngày phát hành/ Issue date : 13/01/2026
Trang/ Page : 1/2

Tên khách hàng⁽¹⁾/ Company: **HỘ KINH DOANH LÊ THANH TÙNG**
Địa chỉ⁽¹⁾/ Address: **Nhà ông Lê Đức Nam, Tổ dân phố Đồng Thanh, Phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên**
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: **29/12/2025**
Ngày thực hiện/ Date(s) of testing: **29/12/2025 đến 13/01/2026**
Tên mẫu⁽¹⁾/ Sample Name: **BÁNH GÀ**
Tình trạng mẫu/ State of sample: **Mẫu chứa trong bao bì kín/ Samples in sealed packaging.**

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULTS
[Xem trang kế/See next page (s)]

Ghi chú/ Notes:

- (1) Thông tin do khách hàng cung cấp/ Information provided by client.
- (a) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Item(s) are accredited to ISO/IEC 17025:2017.
 - (b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Bảo vệ thực vật/ Appointed item(s) by Department of Plant Protection.
 - (c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục chăn nuôi/ Appointed item(s) by Department of Livestock Production.
 - (d) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn/ Appointed item(s) by Ministry of Agriculture & Rural Development.
 - (e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ Appointed item(s) by Ministry of Industry & Trade.
 - (s) Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ Items are tested by the subcontractor.
- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận được tại phòng thí nghiệm/ Test result(s) are valid only on submitted sample(s).
 - LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of quantification.
 - KPH/ ND: Không phát hiện/Not detected.
 - Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.
 - Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần báo cáo này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ Test Report is a unified whole, no part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.
 - Các chỉ tiêu được thực hiện bởi PTN VietLabs Hồ Chí Minh/ Items are performed by VietLabs Ho Chi Minh Lab.

PHỤ TRÁCH PHÒNG THÍ NGHIỆM
Officer in charge of Laboratory



Nguyễn Ngọc Hân

TỔNG GIÁM ĐỐC
General Director



Nguyễn Quốc Toàn

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/10/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:

Ho Chi Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCM City
Can Tho: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City
Bac Lieu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Ca Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-251229-02077

Ngày phát hành/ Issue date : 13/01/2026

Trang/ Page : 2/2

Kết quả/ result

STT No.	Chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	LOQ	Phương pháp phân tích Test method
1.	Năng lượng/Calories	172	Kcal/100g	-	FAO, Food and Nutrition P.77, 2003
2.	Hàm lượng Đường tổng/Total sugar content	6,31	g/100g	-	TCVN 4594:1988(a)
3.	Hàm lượng Carbohydrate (không bao gồm xơ)/Carbohydrate (not include dietary fiber) content	12,7	g/100g	-	FAO, Food and Nutrition P.77, 2003
4.	Hàm lượng Béo tổng/Total fat content	8,06	g/100g	-	TCVN 8136: 2009(a)
5.	Hàm lượng Natri (Na)/Sodium (Na) content	209	mg/100g	-	VLAB-CH-TP-204 (Ref. AOAC 969.23)(a)
6.	Hàm lượng protein/Protein content	12,2	g/100g	-	TCVN 8134: 2009(a)
7.	Béo bão hòa/Saturated fat	2,71	g/100g	-	VLAB-CH-TP-628(a)

Ghi chú/ Remark(s): Không/ Nil

[Kết thúc báo cáo/ End of report]

VietLabs
Your Trusted Partner

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/10/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs

VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh

60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:

Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCM City

Can Tho: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City

Bạc Liêu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau

479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

Đính kèm bản tự công bố số: 02/HKD LTT/2024

HỘ KINH DOANH LÊU THANH TÙNG	CÁNH GÀ CHIÊN GIÒN	Số TCCS: 02:2024/HKD LTT
		Có hiệu lực từ ngày hoàn tất thủ tục tự công bố sản phẩm

1.SẢN PHẨM: CÁNH GÀ CHIÊN GIÒN

2.THÀNH PHẦN:

Cánh gà 95%, bột chiên giòn, bột mỳ, đường muối, hạt tiêu, tỏi ...

3.YÊU CẦU VỀ CHẤT LƯỢNG

3.1.Các chỉ tiêu cảm quan:

TT	Tên chỉ tiêu	Mô tả yêu cầu
1	Trạng thái	Vỏ ngoài giòn rụm
2	Màu sắc	Màu vàng
3	Mùi	Mùi thơm đặc trưng của sản phẩm, không có mùi lạ
4	Vị	Vị đặc trưng của sản phẩm, không có vị lạ

3.2.Giới hạn kim loại nặng trong sản phẩm:

Giới hạn chỉ tiêu kim loại nặng đạt theo QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Cadimi	Mg/kg	0,05
2	Chì	Mg/kg	0,1

3.Giới hạn vi sinh vật trong sản phẩm:

Giới hạn chỉ tiêu vi sinh vật đạt theo QCVN 8-3: 2012/BYT quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	5×10^5
2	Salmonella spp	CFU/g	KPH
3	E.Coli	CFU/g	5×10^2

4. Giá trị dinh dưỡng

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100g sản phẩm đạt theo mức công bố sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Năng lượng	kcal/100g	196 - 362
2	Protein	g/100g	8.8 - 5.1
3	Carbohydrat	g/100g	15.4 - 28.6
4	Chất béo	g/100g	11 - 20.4
5	Đường tổng	g/100g	2.8 - 5.1
6	Béo bão hòa	g/100g	3.2 - 5.9
7	Natri (Na)	mg/100g	126 - 232

4. QUY CÁCH ĐÓNG GÓI VÀ CHẤT LIỆU BAO BÌ:

4.1. Quy cách đóng gói:

Khối lượng tịnh: 1,2 kg/túi $\pm$ 150g; 1,5 kg/túi $\pm$ 150g; hoặc khối lượng khác theo yêu cầu của thị trường.

4.2. Chất liệu bao bì:

- Chất liệu bao bì: sản phẩm được đựng trong túi PA; Bao bì đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

4.3. THỜI HẠN SỬ DỤNG:

- 6 Tháng kể từ ngày sản xuất, ngày sản xuất và hạn sử dụng xem trên bao bì

5. HƯỚNG DẪN BẢO QUẢN:

- Bảo quản ở nhiệt độ -18°C hoặc ngăn đá tủ lạnh.

Thái Bình, ngày 18 tháng 01 năm 2024

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên)



LÈU THANH TÙNG

Số/ No.: VLAB0-251229-020/2

Ngày phát hành/ Issue date : 13/01/2026
Trang/ Page : 1/2

Tên khách hàng⁽¹⁾/ Company: **HỘ KINH DOANH LÊ THANH TÙNG**
Địa chỉ⁽¹⁾/ Address: **Nhà ông Lê Đức Nam, Tổ dân phố Đồng Thanh, Phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên**
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: **29/12/2025**
Ngày thực hiện/ Date(s) of testing: **29/12/2025 đến 13/01/2026**
Tên mẫu⁽¹⁾/ Sample Name: **CÁNH GÀ CHIÊN GIÒN**
Tình trạng mẫu/ State of sample: **Mẫu chứa trong bao bì kín/ Samples in sealed packaging.**

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULTS
[Xem trang kế/See next page (s)]

Ghi chú/ Notes:

- (1) Thông tin do khách hàng cung cấp/ Information provided by client.
- (a) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Item(s) are accredited to ISO/IEC 17025:2017.
- (b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Bảo vệ thực vật/ Appointed item(s) by Department of Plant Protection.
- (c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục chăn nuôi/ Appointed item(s) by Department of Livestock Production.
- (d) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn/ Appointed item(s) by Ministry of Agriculture & Rural Development.
- (e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ Appointed item(s) by Ministry of Industry & Trade.
- (s) Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ Items are tested by the subcontractor.
- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận được tại phòng thí nghiệm/ Test result(s) are valid only on submitted sample(s).
 - LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of quantification.
 - KPH/ ND: Không phát hiện/Not detected.
 - Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.
 - Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần báo cáo này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ Test Report is a unified whole, no part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.
 - Các chỉ tiêu được thực hiện bởi PTN VietLabs Hồ Chí Minh/ Items are performed by VietLabs Ho Chi Minh Lab.

PHỤ TRÁCH PHÒNG THÍ NGHIỆM
Officer in charge of Laboratory



Nguyễn Ngọc Hàn

TỔNG GIÁM ĐỐC
General Director



Nguyễn Quốc Toàn

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/10/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:

Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCM City

Can Tho: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City

Bạc Liêu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Cà Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-251229-020/2

Ngày phát hành/ Issue date : 13/01/2026

Trang/ Page : 2/2

Kết quả/ result

STT No.	Chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	LOQ	Phương pháp phân tích Test method
1.	Năng lượng/Calories	279	Kcal/100g	-	FAO, Food and Nutrition P.77, 2003
2.	Hàm lượng Đường tổng/Total sugar content	3,97	g/100g	-	TCVN 4594:1988(a)
3.	Hàm lượng Carbohydrate (không bao gồm xơ)/Carbohydrate (not include dietary fiber) content	22,0	g/100g	-	FAO, Food and Nutrition P.77, 2003
4.	Hàm lượng Béo tổng/Total fat content	15,7	g/100g	-	TCVN 8136: 2009(a)
5.	Hàm lượng Natri (Na)/Sodium (Na) content	189	mg/100g	-	VLAB-CH-TP-204 (Ref. AOAC 969.23)(a)
6.	Hàm lượng protein/Protein content	12,5	g/100g	-	TCVN 8134: 2009(a)
7.	Béo bão hòa/Saturated fat	4,58	g/100g	-	VLAB-CH-TP-628(a)

Ghi chú/ Remark(s): Không/ Nil

[Kết thúc báo cáo/ End of report]

VietLabs
Your Trusted Partner

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/10/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs

VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh

60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:

Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCM City

Can Tho: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City

Bạc Liêu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau

479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Cà Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

Đính kèm bản tự công bố số: 01/HKD LTT/2024

HỘ KINH DOANH LÊU THANH TÙNG	ĐÙI GÀ CHIÊN GIÒN	Số TCCS: 01:2024/HKD LTT
		Có hiệu lực từ ngày hoàn tất thủ tục tự công bố sản phẩm

1.SẢN PHẨM: ĐÙI GÀ CHIÊN GIÒN

2.THÀNH PHẦN:

Đùi gà 95%, bột chiên giòn, bột mỳ, đường muối, hạt tiêu, tỏi ...

3.YÊU CẦU VỀ CHẤT LƯỢNG

3.1.Các chỉ tiêu cảm quan:

TT	Tên chỉ tiêu	Mô tả yêu cầu
1	Trạng thái	Vỏ ngoài giòn rụm
2	Màu sắc	Màu vàng
3	Mùi	Mùi thơm đặc trưng của sản phẩm, không có mùi lạ
4	Vị	Vị đặc trưng của sản phẩm, không có vị lạ

3.2.Giới hạn kim loại nặng trong sản phẩm:

Giới hạn chỉ tiêu kim loại nặng đạt theo QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Cadimi	Mg/kg	0,05
2	Chì	Mg/kg	0,1

3.Giới hạn vi sinh vật trong sản phẩm:

Giới hạn chỉ tiêu vi sinh vật đạt theo QCVN 8-3: 2012/BYT quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	5×10^5
2	Salmonella spp	CFU/g	KPH
3	E.Coli	CFU/g	5×10^2

4. Giá trị dinh dưỡng

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100g sản phẩm đạt theo mức công bố sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Năng lượng	kcal/100g	172 - 318
2	Protein	g/100g	10.7 – 19.7
3	Carbohydrat	g/100g	12 – 22.2
4	Chất béo	g/100g	9.03 – 16.7
5	Đường tổng	g/100g	2.5 – 4.6
6	Béo bão hòa	g/100g	3.0 – 5.5
7	Natri (Na)	mg/100g	126 - 232

4. QUY CÁCH ĐÓNG GÓI VÀ CHẤT LIỆU BAO BÌ:

4.1. Quy cách đóng gói:

Khối lượng tịnh: 1,2 kg/túi $\pm$ 150g; 1,5 kg/túi $\pm$ 150g; hoặc khối lượng khác theo yêu cầu của thị trường.

4.2. Chất liệu bao bì:

- Chất liệu bao bì: sản phẩm được đựng trong túi PA; Bao bì đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

4.3. THỜI HẠN SỬ DỤNG:

- 6 Tháng kể từ ngày sản xuất, ngày sản xuất và hạn sử dụng xem trên bao bì

5. HƯỚNG DẪN BẢO QUẢN:

- Bảo quản ở nhiệt độ -18°C hoặc ngăn đá tủ lạnh.

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2024

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên)



LỀU THANH TÙNG

Số/ No.: VLAB0-251229-020/1

Ngày phát hành/ Issue date : 13/01/2026
Trang/ Page : 1/2

Tên khách hàng⁽¹⁾/ Company: **HỘ KINH DOANH LÊ THANH TÙNG**
Địa chỉ⁽¹⁾/ Address: **Nhà ông Lê Đức Nam, Tổ dân phố Đồng Thanh, Phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên**
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: **29/12/2025**
Ngày thực hiện/ Date(s) of testing: **29/12/2025 đến 13/01/2026**
Tên mẫu⁽¹⁾/ Sample Name: **ĐÙI GÀ CHIÊN GIÒN**
Tình trạng mẫu/ State of sample: **Mẫu chứa trong bao bì kín/ Samples in sealed packaging.**

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULTS
[Xem trang kế/See next page (s)]

Ghi chú/ Notes:

- (1) Thông tin do khách hàng cung cấp/ Information provided by client.
(a) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Item(s) are accredited to ISO/IEC 17025:2017.
(b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Bảo vệ thực vật/ Appointed item(s) by Department of Plant Protection.
(c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục chăn nuôi/ Appointed item(s) by Department of Livestock Production.
(d) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn/ Appointed item(s) by Ministry of Agriculture & Rural Development.
(e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ Appointed item(s) by Ministry of Industry & Trade.
(s) Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ Items are tested by the subcontractor.
- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận được tại phòng thí nghiệm/ Test result(s) are valid only on submitted sample(s).
 - LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of quantification.
 - KPH/ ND: Không phát hiện/Not detected.
 - Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.
 - Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần báo cáo này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ Test Report is a unified whole, no part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.
 - Các chỉ tiêu được thực hiện bởi PTN VietLabs Hồ Chí Minh/ Items are performed by VietLabs Ho Chi Minh Lab.

PHỤ TRÁCH PHÒNG THÍ NGHIỆM
Officer in charge of Laboratory



Nguyễn Ngọc Hân

TỔNG GIÁM ĐỐC
General Director



Nguyễn Quốc Toàn

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/10/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:

Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCM City
Can Tho: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City
Bạc Liêu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Cà Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-251229-020/1

Ngày phát hành/ Issue date : 13/01/2026

Trang/ Page : 2/2

Kết quả/ result

STT No.	Chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	LOQ	Phương pháp phân tích Test method
1.	Năng lượng/Calories	245	Kcal/100g	-	FAO, Food and Nutrition P.77, 2003
2.	Hàm lượng Đường tổng/Total sugar content	3,54	g/100g	-	TCVN 4594:1988(a)
3.	Hàm lượng Carbohydrate (không bao gồm xơ)/Carbohydrate (not include dietary fiber) content	17,1	g/100g	-	FAO, Food and Nutrition P.77, 2003
4.	Hàm lượng Béo tổng/Total fat content	12,9	g/100g	-	TCVN 8136: 2009(a)
5.	Hàm lượng Natri (Na)/Sodium (Na) content	179	mg/100g	-	VLAB-CH-TP-204 (Ref. AOAC 969.23)(a)
6.	Hàm lượng protein/Protein content	15,2	g/100g	-	TCVN 8134: 2009(a)
7.	Béo bão hòa/Saturated fat	4,27	g/100g	-	VLAB-CH-TP-628(a)

Ghi chú/ Remark(s): Không/ Nil

[Kết thúc báo cáo/ End of report]

VietLabs
Your Trusted Partner

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/10/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs

VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh

60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:

Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCM City

Can Tho: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City

Bạc Liêu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau

479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Cà Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province